



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3135.2020>

TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH CỦA PHAN THANH GIẢN QUA THƯ TỪ VÀ TẤU SÓ

Lê Đình Trọng¹, Lê Ngọc Ly^{2*} và Bùi Văn Nhi²

¹*Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Sinh viên, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ: Lê Ngọc Ly, Email: 0022412231@student.dthu.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 10/02/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 25/6/2026; Ngày duyệt đăng: 14/8/2026

Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích tấu số và thư từ của Phan Thanh Giản nhằm làm rõ các nội dung cải cách của ông trong bối cảnh Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX. So với các nghiên cứu trước đây vốn thường tập trung vào hoạt động ngoại giao hoặc các tranh luận quanh vai trò chính trị của nhân vật, bài viết này lựa chọn tiếp cận từ góc độ lịch sử tư tưởng thông qua xử lý văn bản gốc. Kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ các đề xuất canh tân của Phan Thanh Giản trên các phương diện: nội trị, dân sinh, quốc phòng và đối ngoại; đồng thời chỉ ra cả tính thực tiễn lẫn những giới hạn thức của ông trước biến động thời đại. Nghiên cứu góp phần bổ sung tư liệu và làm rõ hơn đặc điểm tư tưởng cải cách của Phan Thanh Giản, qua đó góp phần nhận diện vị trí của ông trong dòng tư tưởng canh tân Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX.

Từ khóa: *Phan Thanh Giản, tư tưởng cải cách, triều Nguyễn, thư từ, tấu số.*

Trích dẫn: Lê, N. L., Lê, Đ. T., & Bùi, V. N. (2026). Tư tưởng cải cách của Phan Thanh Giản qua thư từ và tấu số. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-13. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3135.2020>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE REFORMIST THOUGHT OF PHAN THANH GIAN THROUGH CORRESPONDENCE AND COURT MEMORIALS

Le Dinh Trong¹, Le Ngoc Ly^{2*}, and Bui Van Nhi²

¹*Faculty of Social Sciences Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Viet Nam*

²*Student, Faculty of Social Sciences Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Viet Nam*

**Corresponding author, Le Ngoc Ly, Email: 0022412231student.dthu.edu.vn*

Abstract

This article analyzes the memorials submitted to the court and correspondence of Phan Thanh Gian to clarify his reform proposals in the context of Vietnam during the second half of the nineteenth century. Unlike previous studies, which have largely focused on his diplomatic activities or debates surrounding his political role, this study adopts an intellectual history approach based on an analysis of primary sources. The findings shed light on Phan Thanh Gian's reform proposals in four major areas: domestic governance, public welfare, national defense, and foreign affairs. They also reveal both the practical dimensions of his proposals and the limitations of his understanding in the face of the profound changes of his time. By providing additional historical sources and further clarifying the characteristics of Phan Thanh Gian's reformist thought, this study contributes to a better understanding of his position within the broader current of reformist thought in Vietnam during the second half of the nineteenth century.

Keywords: *Correspondence, court memorials, Nguyen Dynasty, Phan Thanh Gian, reformist thought.*

1. Đặt vấn đề

Bước vào nửa sau thế kỷ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào tình trạng suy yếu và khủng hoảng trước nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây cùng những mâu thuẫn gay gắt trong lòng xã hội. Sự bế tắc của hệ tư tưởng Nho giáo và đường lối bảo thủ, trì trệ của nội bộ triều đình đã cản trở nghiêm trọng việc tiếp thu các thành tựu văn minh. Điều này dẫn đến sự chênh lệch lớn về lực lượng và sự yếu kém trong sức mạnh quốc phòng khi triều Nguyễn phải trực tiếp đối phó với họa ngoại xâm.

Sự kiện phái bộ Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ sang phương Tây vào những năm 1860 không chỉ là một nhiệm vụ ngoại giao mà còn là một cú sốc nhận thức đối với tầng lớp trí thức đương thời. Cơ hội tận mắt chứng kiến nền văn minh phương Tây đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng của các sứ đoàn nhà Nguyễn. Bên cạnh Nhật trình xứ Tây của Phạm Phú Thứ, tư tưởng canh tân của Phan Thanh Giản đã được hệ thống hóa và gửi về triều đình qua các bản tấu sớ, thư từ. Mặc dù vậy, đặt trong bối cảnh triều đình đang kiên định với đường lối cai trị truyền thống, các đề xuất này đã không được đưa vào thực thi. Trong nghiên cứu này, khái niệm “cải cách” hay “canh tân” được hiểu không phải là sự thay đổi toàn diện thể chế theo mô hình phương Tây, mà là những nỗ lực tự cường, tiếp thu kỹ thuật, loại bỏ những yếu tố lỗi thời, trì trệ của mô hình cũ để kịp thời thích ứng với hoàn cảnh mới, từ đó giúp hệ thống quản trị và phòng thủ của quốc gia trở nên tiến bộ, hiệu quả hơn trước sức ép thời đại.

Liên quan đến nhân vật Phan Thanh Giản, cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu và bài viết học thuật được công bố. Các nghiên cứu này hình thành nhiều quan điểm khác nhau về con người, sự nghiệp và vai trò lịch sử của ông. Trong giai đoạn đầu, các công trình chủ yếu đánh giá Phan Thanh Giản từ góc độ đạo đức Nho giáo và lập trường chính trị. Về sau, các nghiên cứu có xu hướng tiếp cận đa chiều hơn, chú trọng khai thác nguồn sử liệu và đặt nhân vật vào bối cảnh lịch sử cụ thể để đưa ra những nhận định khách quan. Mặc dù có sự chuyển biến trong phương pháp tiếp cận, phần lớn các công trình vẫn tập trung vào vai trò chính trị, hoạt động ngoại giao và trách nhiệm của ông trong các biến cố lịch sử. Trong khi đó, tư tưởng canh tân của Phan Thanh Giản - đặc biệt được thể hiện qua hệ thống thư từ và tấu sớ – vẫn chưa được khảo cứu một cách có hệ thống và toàn diện.

Trong khi đó hiện nay vẫn còn thiếu các công trình đi sâu phân tích về tư tưởng, cũng như sự thay đổi trong nhận thức và tư duy chính trị của Phan Thanh Giản. Có thể thấy, việc đánh giá hệ thống thư từ và tấu sớ nhằm làm rõ tư tưởng của Phan Thanh Giản vẫn là một khoảng trống nghiên cứu. Việc lấp đầy khoảng trống này có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện tính khả thi và những trở ngại của xu hướng cải cách ở Việt Nam thế kỷ XIX. Do đó, bài viết “Tư tưởng cải cách của Phan Thanh Giản qua thư từ và tấu sớ” đặt mục tiêu phân tích hệ thống quan điểm cải cách của ông. Để đạt được mục tiêu này, nghiên cứu dựa trên nguồn tư liệu gốc (tấu sớ, thư từ) và sử dụng các phương pháp lịch sử, phương pháp logic kết hợp với phân tích tài liệu.ng.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh

Triều Nguyễn - vương triều phong kiến cuối cùng của Việt Nam –được thành lập sau khi đánh bại Nhà Tây Sơn, thống nhất quốc gia và thiết lập mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền. Tuy nhiên, đến giữa thế kỷ XIX, nhà Nguyễn bước vào giai đoạn khủng hoảng. Bộ máy hành chính bộc lộ nhiều hạn chế. Thuế khóa nặng nề cùng thiên tai liên tiếp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân: “Thiên tai, mất mùa, sưu thuế nặng nề là những thảm họa thường xuyên đe dọa cuộc sống của người dân nghèo. Sau mỗi lần vỡ đê, lụt lội lớn, mùa màng hư hại, nhân dân lại bỏ làng đi phiêu tán kiếm ăn” (Võ, 2017). Hệ quả là các cuộc

khởi nghĩa nông dân bùng nổ ở nhiều địa phương, đe dọa sự ổn định của chính quyền. Về kinh tế, nền sản xuất duy trì tính chất tự cấp tự túc. Việc triều đình thi hành chính sách “trọng nông ức thương” đã kìm hãm thương nghiệp, khiến nền kinh tế thiếu khả năng thích ứng trước những biến đổi mới của thời đại.

Bên cạnh những bất ổn nội trị, sự dòm ngó từ bên ngoài của các nước phương Tây tại khu vực Đông Nam Á đã đe dọa tới nền độc lập của Đại Nam. Dù kế thừa bộ máy nhà nước từ các triều đại trước và dưới thời Minh Mạng đã thực hiện cải cách đạt được nhiều hiệu quả, triều đình Nhà Nguyễn vẫn phải đối mặt với sự kiệt quệ từ giai đoạn nội chiến kéo dài. Trước sự chênh lệch về tiềm lực quân sự của các nước phương Tây, triều đình dần bộc lộ những hạn chế trong việc bảo vệ lãnh thổ.

Giữa thế kỷ XIX, các quốc gia đồng văn tại khu vực Đông Bắc Á đều phải đối diện với áp lực bành trướng từ phương Tây. Trước tình hình đó, một số quốc gia đã bước đầu thực hiện các biện pháp điều chỉnh chính sách và tiếp thu phương thức sản xuất mới. Tiêu biểu là xu hướng học hỏi khoa học - kỹ thuật qua phong trào Dương vụ ở Trung Quốc (khởi xướng từ thập niên 1860) và công cuộc chuyển đổi mô hình nhà nước của cuộc Duy tân Minh Trị tại Nhật Bản (từ năm 1868). Những biến chuyển này phản ánh nỗ lực tự cường của các nước trong khu vực trước nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.

Cùng thời điểm đó tại Việt Nam, đứng trước yêu cầu bảo vệ nền độc lập, một bộ phận trí thức Nho học Việt Nam - thông qua các chuyến đi sứ và hoạt động thực tiễn – đã sớm nhận thấy sự chênh lệch về tiềm lực quốc gia so với các nước phương Tây. Từ đó, việc chấn chỉnh nội trị, cải thiện đời sống nhân dân và củng cố năng lực quốc phòng trở thành một yêu cầu cấp thiết. Các kiến nghị cải cách bắt đầu được hình thành, phản ánh qua hệ thống tấu sớ, thư từ ngoại giao và các văn bản quản lý hành chính thời kỳ này.

Tiêu biểu trong số những trí thức Nho học sớm đưa ra các đề xuất thay đổi có Phan Thanh Giản. Qua hệ thống tấu sớ và thư từ để lại, có thể thấy ông không chỉ nhận ra tình trạng suy yếu của vương triều mà còn có nhiều kiến nghị nhằm chấn chỉnh nội trị và củng cố nội lực quốc gia. Dù những nỗ lực này vẫn chịu sự chi phối và hạn chế từ hệ tư tưởng Nho giáo truyền thống, các đề xuất của Phan Thanh Giản vẫn có những đóng góp nhất định vào bước đầu hình thành tư tưởng canh tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX.

2.2. Phan Thanh Giản và những nhân tố tác động đến sự hình thành tư tưởng cải cách

Phan Thanh Giản xuất thân từ vùng Nam Bộ, sớm tiếp xúc với nền Nho học và là vị Tiến sĩ đầu tiên của đất Nam Kỳ. Con đường quan lộ của ông kéo dài 41 năm, làm quan dưới ba đời vua triều Nguyễn là Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Dù để lại những dấu ấn đậm nét trên cả hai phương diện sự nghiệp chính trị và di sản văn chương, cuộc đời làm quan của Phan Thanh Giản lại trải qua nhiều biến động, thăng trầm sâu sắc (Văn Bá, 2016). Từ những vị trí ban đầu ở Hàn lâm viện, ông dần đảm nhiệm các trọng trách như Tham tri, Thượng thư, và đặc biệt là Kinh lược sứ Nam Kỳ. Quá trình hoạt động quan trường bền bỉ, cọ xát với nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước hành chính chính là nền tảng thực tiễn đầu tiên giúp ông am hiểu sâu sắc thực trạng quốc gia và định hình nhãn quan chính trị.

Sự nghiệp của Phan Thanh Giản diễn ra trong bối cảnh lịch sử đầy biến động nửa sau thế kỷ XIX, khi thể chế phong kiến triều Nguyễn đang lâm vào tình trạng suy vi hệ thống. Trên phương diện nội trị, ông trực tiếp đối diện và nhận thức rõ những bế tắc trong bộ máy hành chính quan liêu cùng sự kiệt quệ của nền kinh tế nông nghiệp. Nghiêm trọng hơn, ông là nhân chứng của giai đoạn quốc gia phải đối đầu trực diện với sự bành trướng của thực dân Pháp. Sự yếu kém về quân sự cùng thực tế xói mòn chủ quyền quốc gia từng bước đã đặt ông vào sự xung đột gay gắt giữa tư duy quản trị truyền thống và đòi hỏi bức thiết của thời cuộc.

Việc nhận ra sự bất cân xứng trong cuộc đối đầu với phương Tây, cũng như giới hạn của mô hình phong kiến tập quyền cũ, đã trở thành động lực nội tại thôi thúc nhu cầu phải tìm kiếm một hướng đi mới để tự cường.

Vào giữa thế kỷ XIX, triều Nguyễn lâm vào khủng hoảng toàn diện về kinh tế, xã hội và chính trị, đồng thời phải đối mặt với họa xâm lăng từ thực dân Pháp. Sự suy yếu của hệ thống phong kiến truyền thống trước sức mạnh quân sự và công nghệ của phương Tây đã đặt ra yêu cầu bức thiết về việc phải thay đổi. Bối cảnh đầy biến động này chính là nền tảng khách quan buộc những trí thức lớn như Phan Thanh Giản phải trầm trồ tìm kiếm con đường mới để cứu nguy cho đất nước.

Từ bối cảnh chung đó, quá trình hoạt động thực tiễn trong bộ máy nhà nước đã trở thành nhân tố quan trọng bồi đắp thêm tầm nhìn cho ông. Trải qua nhiều thập kỷ đảm nhiệm các chức vụ trọng yếu tại triều đình Huế – từ các cơ quan trung ương đến việc trấn thủ các địa phương – Phan Thanh Giản có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với mọi vấn đề thực tế của đất nước. Những trải nghiệm quản lý cùng việc tận mắt chứng kiến sự bất cập của thể chế cũ trước các thách thức lịch sử đã cung cấp cho ông những góc nhìn sâu sắc về sự cần thiết phải canh tân bộ máy và chính sách.

Tuy nhiên, bước ngoặt mang tính quyết định đối với tư tưởng cải cách của ông lại gắn liền với chuyến đi Pháp và Tây Ban Nha năm 1863. Với tư cách là chánh sứ trong phái bộ sang châu Âu nhằm thương thuyết chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, ông có điều kiện trực tiếp quan sát những thành tựu vượt bậc về khoa học, kỹ thuật, công nghiệp và mô hình tổ chức xã hội của phương Tây. Sự va chạm thực tế này tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, giúp ông nhìn nhận rõ khoảng cách phát triển to lớn giữa triều Nguyễn và các cường quốc tư bản, qua đó đặt nền móng vững chắc cho các tấu sớ kiến nghị canh tân về sau.

Những chuyển biến từ nhận thức thực tế ấy tiếp tục được nuôi dưỡng trên nền tảng vững chắc của truyền thống tư tưởng cá nhân. Là một vị đại thần xuất thân từ khoa bảng, thụ hưởng nền giáo dục Nho học chính thống, Phan Thanh Giản mang nặng lòng trung quân ái quốc và ý thức trách nhiệm cao đối với dân tộc. Nền tảng đạo đức đó kết hợp với sự nhạy bén chính trị đã tạo nên động lực tinh thần để ông dám vượt qua những khuôn mẫu bảo thủ truyền thống, hướng tới việc tiếp thu các giá trị tiên bộ nhằm chấn hưng đất nước.

Bên cạnh đó, quá trình hình thành tư tưởng ấy còn chịu sự tác động không nhỏ từ môi trường sống. Gắn bó sâu sắc với vùng đất Nam Kỳ – nơi giao thoa văn hóa và có tính mở cao hơn so với khu vực miền Trung – tư duy của Phan Thanh Giản chịu ít nhiều ảnh hưởng từ tính thực tế và năng động của phương Nam. Môi trường này đã góp phần hoàn thiện tầm nhìn khoáng đạt, cởi mở hơn của ông đối với các luồng tư tưởng mới và các mô hình phát triển ngoài vòng truyền thống.

2.3. Tư tưởng cải cách qua tấu sớ

Qua các bản tấu sớ và thư từ, có thể thấy tư tưởng cải cách của Phan Thanh Giản là sự kết hợp giữa Nho giáo truyền thống và những đề xuất mang tính thực tế. Ông không muốn thay đổi hoàn toàn bộ máy nhà nước đương thời mà chỉ tập trung sửa đổi để quản lý đất nước tốt hơn, lo cho đời sống nhân dân, giữ vững quốc phòng và bắt đầu mở rộng ngoại giao.

Về mặt nội trị, trong giai đoạn đầu, Phan Thanh Giản rất coi trọng đạo đức và sự trong sạch của quan lại. Năm 1828, khi xảy ra thiên tai, ông xin vua “sửa mình trao đức” (Nam, 2015) để làm gương cho dân. Tiếp đó, vào năm 1852, ông khuyên vua không nên gán gũ kẻ nịnh hót và tránh thói xa hoa. Khi nhận thấy quan lại địa phương ức hiếp dân lành làm “nhân dân ngày thêm khốn cùng” (Nam, 2015), ông đã thẳng thắn lên án trong tấu sớ để mong chấn chỉnh lại kỷ luật chốn quan trường.

Bên cạnh đó, tư tưởng về phương diện dân sinh của ông luôn xoay quanh việc “an dân”, tức là làm cho người dân được yên ổn. Điều này thể hiện rõ qua sự kiện năm 1836, khi ông can ngăn vua Minh Mạng đi chơi núi Ngũ Hành ngay đúng mùa vụ vì sợ làm lỡ việc đồng áng, khiến “dân lấy chi được no ấm” (Nam, 2015). Đến năm 1853, ông đề xuất sáu kế hoạch phát triển vùng Nam Kỳ, trong đó tiếp tục đặt trọng tâm lớn nhất vào việc lo cho dân ấm no và chú trọng mở mang giáo dục ở cơ sở.

Trong lĩnh vực quốc phòng, Phan Thanh Giản cho rằng sức mạnh quân đội phải đi liền với một nền kinh tế vững chắc. Năm 1852, ông xin “bớt cho binh lính rảnh rang tập võ” (Nam, 2015) nhằm giảm bớt gánh nặng đóng góp cho người dân. Thậm chí đến năm 1859, dù đất nước đang đối mặt với nguy cơ ngoại xâm, ông vẫn ưu tiên việc làm cho dân chúng ấm no, hạnh phúc (Phan & Chanfreau, 2019), bởi ông tin rằng dân có giàu thì nước mới thực sự mạnh.

Riêng về mặt bang giao, sau khi đi sứ châu Âu (1863–1864) và tận mắt chứng kiến sự phát triển vượt bậc của phương Tây, tư tưởng của ông đã có sự thay đổi rất lớn. Nhận thức rõ sự tụt hậu của đất nước, ông mạnh dạn đề nghị triều đình cử học sinh ra nước ngoài học tập, mở rộng buôn bán và không cấm cản việc truyền đạo (Lê, 2023). Mục đích cốt lõi của ông là mong mỗi triều đình có thể học hỏi và áp dụng những tiên bộ của thế giới, đặc biệt là thông qua việc đổi mới giáo dục (Phan & Chanfreau, 2019).

Để thấy rõ hơn vị trí của Phan Thanh Giản, chúng ta có thể so sánh ông với hai nhân vật nổi tiếng cùng thời là Phạm Phú Thứ và Nguyễn Trường Tộ.

Cùng đi sứ phương Tây năm 1863, nhưng cách tiếp cận của Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ có sự khác biệt. Nếu Phạm Phú Thứ (qua tác phẩm Tây hành nhật ký) ghi chép chi tiết về máy móc, kỹ thuật và công nghệ, thì các kiến nghị của Phan Thanh Giản có xu hướng tập trung vào các vấn đề chung như điều chỉnh chính sách giáo dục và nới lỏng bang giao (điển hình là việc đề xuất không cấm đạo). Đặc điểm này cho thấy ông hướng đến việc thay đổi nhận thức và mở rộng giao thiệp thay vì tập trung vào các giải pháp kỹ thuật cụ thể.

Khi so sánh với Nguyễn Trường Tộ, sự khác biệt thể hiện rõ qua phạm vi và tính chất của các đề xuất cải cách. Thông qua các bản điều trần, Nguyễn Trường Tộ đề nghị thay đổi nhiều mặt từ bộ máy nhà nước, luật pháp đến kinh tế và quân sự. Trong khi đó, các kiến nghị của Phan Thanh Giản chủ yếu mang tính chất điều chỉnh, bổ sung dựa trên nền tảng của bộ máy nhà nước đương thời.

Sự khác biệt này xuất phát từ vị trí xã hội và nền tảng học vấn. Nguyễn Trường Tộ đứng ngoài bộ máy quan liêu, ít chịu sự ràng buộc của khoa cử Nho giáo nên cách tiếp cận mang tính hệ thống và bao quát. Ngược lại, Phan Thanh Giản là một đại thần và là một đại khoa Nho học. Nền tảng học vấn và vị thế chính trị khiến các đề xuất của ông luôn gắn liền với mục tiêu duy trì, củng cố và sửa chữa chế độ quân chủ hiện hành, thay vì tái cấu trúc toàn diện.

Thực tế lịch sử cho thấy các kiến nghị đổi mới của Phan Thanh Giản phần lớn không được triều đình thực thi. Mặc dù vua Tự Đức từng ban tặng ông bốn chữ “Liêm, Bình, Cần, Cán” để ghi nhận sự mẫn cán, nhưng tình hình quản trị đất nước vẫn không có nhiều biến chuyển: “Trong triều vẫn không có sự sửa đổi gì cho nước mạnh dân giàu, mà cái học hư văn lại càng thêm thịnh” (Nam, 2015). Phân tích về bối cảnh này, Yoshiharu Tsuboi lý giải thái độ của triều đình: “Nhà vua không có khả năng cũng như mọi ông hoàng độc tôn khác, Tự Đức đã đặt niềm vinh dự của ông ở chỗ không đổi mới xứ sở gì hết, và lý tưởng của ông là để lại cho kẻ kế thừa một đất nước y như tình trạng khi ông lên ngôi” (Tsuboi, 1999). Xu hướng duy trì hiện trạng và thái độ dè dặt của triều đình Tự Đức là một yếu tố quan trọng khiến các ý tưởng điều chỉnh chính sách của Phan Thanh Giản không được áp dụng vào thực tiễn.

2.4. Tầm nhìn canh tân qua thư từ

2.4.1. Nhận thức về thế giới bên ngoài

Sau khi triều Nguyễn ký kết Hòa ước Nhâm Tuất (1862), nhượng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp, vua Tự Đức vẫn nuôi dưỡng hy vọng khôi phục chủ quyền thông qua con đường ngoại giao hòa bình. Trong nhận thức của triều đình, Nam Kỳ không chỉ mang ý nghĩa biểu tượng gắn với dòng tộc hoàng gia, mà còn giữ vai trò then chốt về kinh tế với tư cách là “vựa lúa” của quốc gia. Trong bối cảnh đó, Phan Thanh Giản (1796-1867) - vị đại thần được nhà vua đặc biệt tín nhiệm - được giao trọng trách đứng đầu phái bộ sang Pháp và Tây Ban Nha năm 1863 nhằm thương thuyết chuộc lại đất đã mất.

Là sản phẩm tiêu biểu của nền Nho học khoa cử, cho tới nhà Nguyễn, Nho giáo càng được trọng đãi, nhưng trong việc đào tạo trí lớp sĩ phu, nho giáo đã có những kết quả tồi tệ, mặc dù có nhiều ưu điểm. Các sĩ phu xưa vì chỉ vụ cái học cử nghiệp nên chuộng từ chương và mất dần sáng kiến cá nhân. Đa số đã trở thành những kẻ hủ nho gàn dở và thủ cựu. Chính vua Minh Mạng vào năm 1823 cũng đã chỉ trích lối học cử nghiệp ở Việt Nam thời đó như sau: “Đã lâu nay vẫn cử nghiệp làm cho người ta làm như thế, ta nghĩ rằng văn chương vốn không nhất định, nay văn cử nghiệp chỉ câu nệ lối hủ lậu mà khoe với nhau, mỗi nhà lập riêng mỗi cách học, nhơn phẩm cao hay thấp, khoa trường lấy hay bỏ đều theo nền nếp ấy. Lối học như thế nên nhơn tài ngày kém dần đi, nhưng thói quen đã lâu, đổi ngay cũng khó, vài năm sau sẽ lẫn lộn mà đổi đi” (Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, 2021).

Đồng thời là một chính khách dày dặn kinh nghiệm, Phan Thanh Giản bước vào sứ trình không chỉ với tư cách một nhà ngoại giao, mà còn như một trí thức trực diện đối mặt với nền văn minh công nghiệp phương Tây. Qua Nhật trình sứ Tây cùng hệ thống thư từ, tấu sớ, ông thể hiện một nhãn quan duy thực, thẳng thắn chỉ ra sự vượt trội của phương Tây trên các phương diện quân sự, kinh tế và tổ chức xã hội. Những ghi chép ấy phản ánh một sự “giật mình” sâu sắc trước khoảng cách phát triển quá lớn giữa Đại Nam và thế giới bên ngoài, từ đó dẫn đến nhận thức rằng cải cách và tiếp thu thành tựu văn minh mới không còn là lựa chọn mang tính tùy nghi, mà là điều kiện sống còn để bảo vệ chủ quyền quốc gia. Vì vậy, các văn bản của Phan Thanh Giản vượt ra ngoài khuôn khổ tư liệu ngoại giao thông thường, trở thành những thông điệp cảnh tỉnh mang ý nghĩa chiến lược đối với vận mệnh đất nước.

Chuyến đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha năm 1863 là bước ngoặt quan trọng trong nhận thức của Phan Thanh Giản về vị thế của Đại Nam trước phương Tây. Qua những quan sát trực tiếp và ghi chép trong Nhật trình sứ Tây, thư từ và tấu sớ, ông nhận thấy khoảng cách ngày càng lớn giữa Đại Nam và các nước Âu châu trên các phương diện quân sự, khoa học – kỹ thuật, kinh tế và tổ chức xã hội. Nhận thức này được hình thành trong bối cảnh nền giáo dục Nho học đương thời bộc lộ nhiều hạn chế, như chính vua Minh Mạng từng phê phán lối học cử nghiệp làm cho “nhơn tài ngày kém dần đi” (Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, 2021).

Từ những trải nghiệm tại phương Tây, Phan Thanh Giản nhận ra rằng sức mạnh của các quốc gia châu Âu không chỉ dựa vào quân sự mà còn bắt nguồn từ nền tảng khoa học, kỹ thuật và trình độ tổ chức xã hội. Điều này được phản ánh qua những văn thơ thể hiện sự khâm phục trước thành tựu kỹ thuật của phương Tây cũng như nỗi lo lắng về tình trạng lạc hậu của đất nước:

“Từ ngày đi sứ đến Tây kinh

Thấy việc Âu châu bỗng giật mình

Kêu gọi đồng bang mau tỉnh giấc

Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.” (Nhiều tác giả, 2017)

Từ nhận thức đó, ông cho rằng Đại Nam cần học hỏi những thành tựu khoa học, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý của phương Tây nhằm củng cố nội lực quốc gia. Tuy nhiên, việc tiếp thu của ông chủ yếu hướng đến cải thiện sức mạnh của nhà nước quân chủ hiện hành hơn là thay đổi toàn diện các thiết chế chính trị - xã hội. Vì vậy, tư tưởng canh tân của Phan Thanh Giản thể hiện xu hướng đổi mới trong khuôn khổ truyền thống, mang tính thực tiễn nhưng chưa đạt đến mức độ cải cách toàn diện.

Những giới hạn này không chỉ xuất phát từ bản thân Phan Thanh Giản mà còn gắn liền với bối cảnh lịch sử của Đại Nam giữa thế kỷ XIX. Trong điều kiện đất nước đang đối mặt với áp lực xâm lược từ thực dân Pháp và một hệ thống chính trị còn nặng tính bảo thủ, các đề xuất đổi mới khó có điều kiện được thực thi. Do đó, tư tưởng canh tân của Phan Thanh Giản vừa phản ánh sự chuyển biến trong nhận thức của một bộ phận sĩ phu đương thời, vừa cho thấy những giới hạn của quá trình đổi mới ở Việt Nam trước sự thách thức của văn minh phương Tây.

Trong bối cảnh hệ tư tưởng Tống Nho vẫn giữ vị trí chi phối đời sống tinh thần và chính trị triều Nguyễn, phần lớn sĩ phu đương thời còn bị ràng buộc bởi tư duy giáo điều, hạn chế khả năng nhận diện những biến động quốc tế. Xuất phát từ hoàn cảnh xã hội, nhiệm vụ đặt ra cho công cuộc dựng và giữ nước ở từng thời kỳ, xuất thân từ tầng lớp nông dân, sống gần gũi với dân, chứng kiến được cảnh đau khổ của dân và nguyện vọng của dân, nên tư tưởng về dân ở các nhà Nho Việt Nam có nội dung rộng hơn, phong phú hơn và mang tính nhân văn, nhân đạo hơn so với tư tưởng về dân về các nhà Nho Trung Quốc (Nguyễn, 2007). Thế kỷ XIX vẫn ghi nhận một bộ phận trí thức mang khuynh hướng canh tân, tiêu biểu như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch và Phan Thanh Giản. Điểm khác biệt căn bản ở Phan Thanh Giản là tinh thần khai phóng và nhân quan thực tiễn, dù ông trưởng thành hoàn toàn trong môi trường giáo dục khoa cử chính thống. Như nhận xét trong Cuộc đời Phan Thanh Giản 1796–1867, các nhà nho truyền thống thường “lấy luân thường, đạo nghĩa làm trọng; nhưng phần nhiều chỉ biết chuộng văn chương, giữ nền nếp cổ, chứ ít người có con mắt trông rộng nom xa, có phát minh sáng kiến” (Nhiều tác giả, 2017).

Thông qua kinh nghiệm chính trị và đặc biệt là các chuyến sứ trình phương Tây, Phan Thanh Giản sớm nhận thức rõ những giới hạn của hệ hình tư duy cũ. Những suy tư ấy kết tinh trong sáng tác thi văn thời kỳ đi sứ, tiêu biểu qua hai câu: “Bà ban xảo kế tề thiên địa/Duy hữu tử sanh tạo hóa quyền”, vừa thể hiện sự khâm phục trước trình độ kỹ thuật phương Tây, vừa hàm chứa sự thừa nhận về một thực tại khách quan: khoa học - công nghệ đã trở thành nguồn sức mạnh quyết định vận mệnh quốc gia.

Nỗi trăn trở ấy được đẩy lên cao trong lời thơ: “Từ ngày đi sứ đến Tây kinh/ Thấy việc Âu châu bỗng giật mình/ Kêu gọi đồng bang mau tỉnh giấc/ Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.” (Nhiều tác giả, 2017). Chuỗi trạng thái “giật mình – kêu gọi – năn nỉ” phản ánh không chỉ tâm thế cá nhân, mà còn là bi kịch chung của trí thức Việt Nam trong giai đoạn giao thời, khi Đại Nam vẫn vận hành theo mô hình kinh tế tự cấp, quân sự lạc hậu và bộ máy quản trị bảo thủ, trong khi phương Tây đã bước sang kỷ nguyên công nghiệp và bành trướng thuộc địa.

Lời kêu gọi “đồng bang mau tỉnh giấc” của Phan Thanh Giản vì thế mang ý nghĩa như một thông điệp cứu quốc sớm, song lại không được tiếp nhận trong môi trường chính trị còn nặng về tư duy “nội trị bằng đức - ngoại giao bằng lễ”. Đặt trong so sánh với Nhật Bản và công cuộc Minh Trị Duy Tân, sự bế tắc ấy càng cho thấy rõ tính bi kịch của lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX. Nhận thức sớm sức mạnh của phương Tây và nỗ lực hướng tới canh tân đã giúp Phan Thanh Giản trở thành một trong những sĩ phu phản tỉnh tiêu biểu nhất thời cận đại, đồng thời để lại bài học lịch sử sâu sắc về giới hạn của cải cách trong một cơ chế chính trị bảo thủ và trì trệ.

2.4.2. Quan điểm về ngoại giao và “hòa hoãn”

Hai sự kiện ngoại giao then chốt gắn liền với sự nghiệp của Phan Thanh Giản – Hòa ước Nhâm Tuất (1862) và sự kiện mất ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1867) – là những mốc lịch sử quan trọng để tìm hiểu quan điểm ngoại giao của triều Nguyễn nói chung và cá nhân ông nói riêng. Để đánh giá khách quan các quyết định này, cần đặt chúng trong bối cảnh lịch sử đương thời: sự chênh lệch về tương quan lực lượng và thực trạng nội tại của triều đình Huế. Trong quá trình phân tích tư tưởng ngoại giao của Phan Thanh Giản, việc làm rõ các khái niệm là cơ sở cần thiết. Theo đó, “hòa nghị” là các hoạt động thương thuyết, đàm phán ngoại giao nhằm đạt được thỏa thuận; “chủ hòa” là xu hướng chính trị ưu tiên giải pháp ngoại giao thay vì đối đầu quân sự trực tiếp; trong khi “hòa hoãn” hàm ý sự tạm thời lùi bước, tránh xung đột vũ trang ở hiện tại nhằm duy trì điều kiện thuận lợi, kéo dài thời gian để thực hiện các mục tiêu chiến lược khác.

Năm 1862, với tư cách là Chánh sứ sang Pháp thương thuyết, Phan Thanh Giản tiến hành đàm phán trong bối cảnh Đại đồn Kỳ Hòa đã thất thủ và các tỉnh miền Đông Nam Kỳ liên tiếp rơi vào tay quân Pháp. Sự chênh lệch lớn về vũ khí, khí tài và kỹ thuật tác chiến đã đặt triều đình nhà Nguyễn vào thế bất lợi trên bàn đàm phán. Việc ký kết Hòa ước Nhâm Tuất phản ánh một lựa chọn thực tế của triều đình lúc bấy giờ nhằm bảo toàn các vùng lãnh thổ chưa bị chiếm đóng. Sau khi hòa ước được ký kết, vua Tự Đức vẫn tiếp tục giao cho Phan Thanh Giản trọng trách ngoại giao: “Dù nhiều lần hỏng việc qua hai lần đàm phán, nhưng Tự Đức vẫn cử Phan trở lại Nam Kỳ tiếp tục vận động chuộc lại miền Đông và trọng trấn miền Tây Nam Kỳ xứ Đồng Nai” (Nhiều tác giả, 2017).

Năm 1867, sự kiện Phan Thanh Giản giao nộp ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ mà không tổ chức kháng cự tiếp tục là chủ đề thu hút nhiều luồng quan điểm trong giới nghiên cứu lịch sử. Luồng quan điểm thứ nhất mang tính phê phán, nhấn mạnh vào trách nhiệm chính trị của Phan Thanh Giản. Nhóm nghiên cứu này cho rằng việc giao thành không đánh là biểu hiện của xu hướng chủ hòa, trực tiếp làm mất chủ quyền quốc gia ở Nam Kỳ. Luồng quan điểm thứ hai mang tính cảm thông, tập trung vào bối cảnh khách quan khi tương quan lực lượng quân sự quá chênh lệch và triều đình Huế thiếu một chiến lược đối phó đồng bộ, khiến quyết định của ông trở thành giải pháp trong tình thế bất khả kháng. Luồng quan điểm thứ ba tiếp cận theo hướng trung dung, cho rằng Phan Thanh Giản với cương vị đại thần mang trọng trách giữ đất đương nhiên phải chịu trách nhiệm cá nhân, nhưng ông không phải là nguyên nhân quyết định. Sự mất mát lãnh thổ là hệ quả từ sự yếu kém toàn diện về quân sự, tài chính, hành chính và chiến lược của toàn bộ hệ thống triều Nguyễn.

Xoay quanh quyết định giao thành năm 1867, một số nghiên cứu đưa ra giả thuyết rằng ông lựa chọn giải pháp này nhằm tránh thương vong vô ích cho dân chúng. Dù vậy, trong nghiên cứu lịch sử, đề khẳng định đây là mục đích cốt lõi, cần có sự chứng minh trực tiếp từ các nguồn tư liệu gốc như tấu sớ, thư từ hay nhật ký của chính Phan Thanh Giản. Qua bức di sớ gửi vua Tự Đức trước khi tự sát với lời tạ tội “thần tội muôn chết”, có thể thấy ông tự ý thức rất rõ về trách nhiệm của mình trước sự sụp đổ của thành trì do mình cai quản.

Một khía cạnh quan trọng khác là mối liên hệ giữa chủ trương hòa hoãn và tư tưởng canh tân trong nhận thức của Phan Thanh Giản. Logic của mối liên hệ này có thể được diễn giải qua chuỗi thực tế: triều đình buộc phải chọn giải pháp ngoại giao (hòa) vì không đủ thực lực quân sự để đánh thắng quân Pháp; nguyên nhân sâu xa của sự yếu kém này là do quốc gia đang trong tình trạng lạc hậu; do đó, để thay đổi cục diện, con đường tất yếu là phải tiến hành canh tân. Nhận thức về sự tụt hậu này được thể hiện rõ sau chuyến đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha năm 1863, khi ông trực tiếp chứng kiến sức mạnh khoa học, kỹ thuật của phương Tây. Dù các tấu sớ và thơ văn để lại cho thấy ông đã ý thức được sự chênh lệch này và quan tâm đến việc học hỏi tri thức mới, song hiện nay vẫn chưa có đủ bằng chứng từ tư liệu nguyên

cấp đề khẳng định Phan Thanh Giản đã hoạch định một chiến lược "hòa để tranh" một cách có hệ thống.

Việc ưu tiên giải pháp ngoại giao thay cho đối đầu quân sự, do đó, phản ánh nhận thức thực tiễn của ông về tương quan lực lượng đương thời nhiều hơn là một chương trình cải cách toàn diện. Đây tiếp tục là một khoảng trống học thuật cần được làm sáng tỏ thêm bằng các nguồn sử liệu trực tiếp trong các nghiên cứu chuyên sâu.

3. Giải mã sự “chưa được nhìn nhận đúng mức”

3.1. Nguyên nhân khách quan

Giữa thế kỷ XIX, Việt Nam phải đối đầu với Pháp trong một tương quan lực lượng chênh lệch gần như tuyệt đối, khi một quốc gia nông nghiệp lạc hậu buộc phải chống lại một cường quốc công nghiệp vượt trội về quân sự và tổ chức. Trong bối cảnh đó, khi Pháp chủ động tiến hành chiến tranh xâm lược, không gian vận động ngoại giao của triều đình bị thu hẹp đáng kể, khiến các phương thức thương thuyết khó đạt hiệu quả thực chất. Do đó, các chủ trương của Phan Thanh Giản cần được nhìn nhận như sự phản ánh tư duy ứng phó thực tế trong điều kiện thực thể quản trị đã đánh mất ưu thế quân sự, hơn là những lựa chọn có thể tạo ra chuyển biến cục diện.

Đồng thời, các đề xuất tranh của ông xuất hiện trong thời điểm đất nước đang đối diện nguy cơ chiến tranh trực tiếp, khi ưu tiên hàng đầu của triều đình và sĩ phu là các giải pháp quân sự cấp bách. Sự chi phối của yêu cầu trước mắt này đã làm hạn chế khả năng tiếp nhận và triển khai những cải cách mang tính dài hạn về giáo dục, kỹ thuật và tổ chức quản trị, dẫn đến tình trạng lệch pha giữa tầm nhìn cải cách và điều kiện thực thi.

Bên cạnh đó, các tư tưởng tranh của ông được hình thành và vận động trong khuôn khổ một bộ máy nhà Nguyễn đang suy thoái, với hệ tư tưởng Tống Nho giữ vai trò chi phối. Điều này làm hạn chế khả năng tiếp nhận các yếu tố đổi mới và khiến những đề xuất cải cách khó chuyển hóa thành chính sách trong thực tiễn.

Cuối cùng, việc mất sáu tỉnh Nam Kỳ đã tạo ra một dấu ấn lớn trong nhận thức lịch sử, khiến việc đánh giá vai trò của Phan Thanh Giản thường gắn với kết quả quân sự và ngoại giao. Trong khi đó, dưới thời Tự Đức, cơ chế quy trách nhiệm cá nhân cũng góp phần định hình cách tiếp cận này, khiến các đóng góp về mặt tư tưởng tranh của ông ít được chú trọng phân tích hơn so với các khía cạnh khác.

Từ đó có thể thấy, việc nhận diện đầy đủ các ràng buộc khách quan không nhằm đánh giá lại cá nhân, mà là cơ sở để làm rõ bối cảnh hình thành, nội dung và giới hạn của tư tưởng tranh của Phan Thanh Giản - qua đó nhằm lý giải vì sao các đóng góp và vai trò lịch sử của ông chưa được nhìn nhận đầy đủ trong một thời gian dài.

3.2. Nguyên nhân chủ quan và sự giới hạn của hệ hình tư tưởng

Bên cạnh các yếu tố khách quan, việc Phan Thanh Giản chưa được nhận diện đầy đủ còn gắn với đặc điểm chính trị và lập trường tư tưởng của ông trong mối quan hệ với triều đình Tự Đức. Sự thiếu nhất quán trong điều hành của trung ương đã làm hạn chế khả năng chuyển hóa các ý tưởng tranh thành chương trình hành động cụ thể, khiến các đại thần giữ vai trò thực thi rơi vào thế bị động về chiến thuật. Trong bối cảnh đó, trách nhiệm lịch sử cần được xem xét trong tính chất hệ thống của bộ máy quyền lực, thay vì tiếp cận theo hướng quy kết đơn tuyến vào cá nhân.

Làm quan qua ba đời vua và đảm nhiệm những vị trí tối thượng như Thượng thư, Cơ mật viện đại thần, Kinh lược sứ Nam Kỳ, Phan Thanh Giản vừa đại diện cho sự tín nhiệm của vương quyền, vừa phản ánh sự ràng buộc chặt chẽ của ông vào guồng máy chính trị đương

thời: “Chúng ta đều biết Phan Thanh Giản là một đại thần của triều Nguyễn, đã trải qua thời bốn đời vua... Chúng ta thử xem Phan với chức trọng quyền cao ấy đã đóng góp ra sao với chủ trương của triều đình” (Nhiều tác giả, 2017). Sống qua bốn triều vua triều Nguyễn và trực tiếp làm quan dưới ba vương triều Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, chính trải nghiệm qua nhiều thời kỳ đã giúp ông nhận thức rõ thực lực đất nước cũng như tương quan lực lượng trước sức ép bành trướng của phương Tây, từ đó định hình tư duy đối ngoại ngoại mang tính thực tiễn.

Trong một triều đình tồn tại nhiều khuynh hướng khác nhau, lập trường chủ hòa của Phan Thanh Giản về cơ bản phản ánh định hướng chính sách của trung ương. Ông hoạt động trong vai trò thực thi các quyết sách ngoại giao được ủy thác từ kinh đô. Tuy nhiên, sau những thất bại về lãnh thổ, việc triều đình quy kết ông là “tội nhân của thiên cổ” cho thấy một biểu hiện của cơ chế xử lý trách nhiệm mang tính cá nhân hóa trong điều kiện bộ máy chưa giải quyết được những thách thức về chủ quyền.

Trường hợp của Phan Thanh Giản phản ánh sự giao thoa giữa lựa chọn cá nhân của một trí thức có nhận thức cải cách và những giới hạn của một thể chế đang suy yếu. Các ý tưởng canh tân và quan điểm ngoại giao thực dụng nhằm “mua thời gian” của ông không chỉ bị trói buộc bởi tư duy Nho giáo xơ cứng mà còn bị nhấn chìm trong sự nghi kỵ của nội bộ. Phan Thanh Giản vì thế đã trở thành một biểu tượng bị tráng cho thế hệ sĩ phu nhìn thấy ánh sáng của sự thay đổi nhưng lại bất lực trước guồng quay khắc nghiệt của lịch sử.

3.3. Đánh giá lại trong lịch sử

Trong một thời gian dài, việc đánh giá Phan Thanh Giản chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tâm lý phản nộ trước thảm họa mất nước và khuynh hướng sử học đề cao lập trường “chủ chiến tuyệt đối”. Quan điểm này thể hiện rõ trong nhận định của Trần Huy Liệu khi cho rằng “Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân”, là phạm tội “đăng thành hiến đất cho giặc”, từ đó phủ nhận cả “tư đức” của ông vì “công đức đã bại hoại thì tư đức còn có gì đáng kể” (Trần, 1963). Tuy nhiên, cách tiếp cận này chủ yếu dựa trên kết quả quân sự - ngoại giao, chưa tách bạch giữa hệ quả lịch sử và giá trị tư tưởng. Do đó, việc đánh giá lại cần chuyển trọng tâm sang phân tích nội dung và vị trí của tư tưởng canh tân trong bối cảnh lịch sử cụ thể.

Trong hệ thống Nho giáo chính thống của nhà Nguyễn, tư tưởng của Phan Thanh Giản cho thấy sự chuyển biến từ nhận thức truyền thống sang tư duy mang tính phản tỉnh sau chuyến đi sứ năm 1863. Trải nghiệm với văn minh phương Tây đã thúc đẩy ông nhìn nhận lại tương quan phát triển, từ đó hình thành ý thức cải cách mang tính thực dụng. Như một số nghiên cứu đã chỉ ra, ông “không phải là người ‘dâng đất’, mà là một nhà sĩ phu phản tỉnh... nỗ lực sử dụng công cụ ngoại giao như một phương sách giảm thiểu tổn thất trong một cục diện vốn đã mất đi khả năng đảo ngược về quân sự” (Nhiều tác giả, 2017).

Đặt trong tương quan với các nhà canh tân cùng thời như Nguyễn Trường Tộ hay Đặng Huy Trứ, có thể thấy điểm đặc thù của Phan Thanh Giản nằm ở vị thế của một đại thần trong bộ máy cầm quyền. Điều này khiến tư tưởng của ông vừa có khả năng tác động đến chính sách, vừa chịu sự chi phối của cơ chế quyền lực và giới hạn tư duy đương thời. Sự “lạc nhịp” vì thế không chỉ là vấn đề cá nhân mà phản ánh độ trễ của cả hệ thống trước yêu cầu cải cách.

Các hạn chế của tư tưởng canh tân này cần được nhìn nhận trên cả hai phương diện. Về khách quan, ông hoạt động trong một cấu trúc quyền lực chịu sự chi phối của Tự Đức, nơi các quyết sách chiến lược không thuộc về cá nhân. Thực tế cho thấy, sau hòa ước năm 1862, “Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp... chỉ bị khiển trách nhẹ... và vẫn được giao trọng trách” (Nhiều tác giả, 2017), cho thấy các hoạt động này nằm trong khuôn khổ quyết sách của triều đình. Về chủ quan, tư tưởng của ông vẫn chịu giới hạn bởi khuôn khổ đạo lý trung quân, chưa phát triển thành một chương trình cải cách mang tính đột phá về thể chế.

Từ đó có thể thấy, tư tưởng canh tân của Phan Thanh Giản phản ánh nỗ lực thích ứng của trí thức Nho học trước thách thức của thời đại, đồng thời bộc lộ những giới hạn trong điều kiện lịch sử cụ thể. Việc quy kết ông như “thủ phạm mất nước” mà không xét đến trách nhiệm mang tính cấu trúc của triều đình là một cách tiếp cận phiến diện; như một số nghiên cứu nhận định, ông trong nhiều trường hợp chỉ là “một con chiên chịu tội” (Nhiều tác giả, 2017) cho sự suy thoái của cả hệ thống. Vì vậy, giá trị của tư tưởng này cần được nhìn nhận như một biểu hiện tiêu biểu cho nỗ lực tìm kiếm con đường thích ứng của trí thức Việt Nam trong bối cảnh đối diện với văn minh phương Tây.

4. Kết luận

Từ việc khảo sát và phân tích hệ thống tấu sớ cùng thư từ cá nhân của Phan Thanh Giản, bài viết đã làm rõ những nội dung cốt lõi trong tư tưởng cải cách của ông. Nghiên cứu cho thấy, trước những biến động của Đại Nam thế kỷ XIX, Phan Thanh Giản đã sớm nhận thức được nhu cầu thay đổi thông qua quá trình hoạt động thực tiễn và sự va chạm trực diện với văn minh phương Tây. Những ý niệm canh tân của ông được biểu đạt qua hai lăng kính: sự cần trọng, chuẩn mực trong các văn bản hành chính chính thức gửi triều đình và sự trăn trở, bộc trực trong các thư tín cá nhân. Các đề xuất này tập trung vào việc giải quyết những vấn đề cấp bách về quân sự, ngoại giao, kinh tế và giáo dục, cho thấy nỗ lực tìm kiếm giải pháp nhằm thích ứng với bối cảnh mới của đất nước.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tư tưởng canh tân của Phan Thanh Giản mang những đặc điểm và giới hạn nhất định của lịch sử. Mặc dù thể hiện tinh thần mong muốn đổi mới, các đề xuất cải cách của ông phần nhiều vẫn chịu sự chi phối của ý thức hệ Nho giáo truyền thống và chưa thể thoát ly hoàn toàn khỏi khuôn khổ của các định chế đương thời. Sự không thành công trong việc hiện thực hóa các ý tưởng này xuất phát từ bối cảnh khách quan phức tạp, cơ chế vận hành chậm chạp của triều đình nhà Nguyễn, và cả bản chất chưa thực sự triệt để trong chính các giải pháp được đề xuất. Do đó, việc nhìn nhận tư tưởng cải cách của Phan Thanh Giản cần được đặt trong đúng tọa độ bối cảnh Đại Nam thế kỷ XIX, thừa nhận nỗ lực nhận thức của ông nhưng đồng thời không bỏ qua những rào cản khách quan và chủ quan mà bản thân ông không thể vượt qua.

Từ việc khai thác nguồn tư liệu đặc thù là thư từ và tấu sớ, bài viết góp phần bổ sung dữ liệu lịch sử và làm rõ hơn đặc điểm tư tưởng canh tân của giới quan lại triều Nguyễn nửa cuối thế kỷ XIX. Thay vì hướng tới việc phán xét công - tội hay minh giải cho nhân vật, nghiên cứu cung cấp một góc nhìn cụ thể để hiểu rõ hơn về sự đan xen phức tạp giữa tư duy truyền thống và nhu cầu đổi mới trong nội tâm của một đại thần trước nghịch cảnh. Từ những kết quả đạt được, nghiên cứu gợi mở hướng tiếp cận tiếp theo bằng phương pháp sử học so sánh: đối chiếu tư tưởng canh tân của Phan Thanh Giản với các nhân vật cùng thời như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ hay Đinh Văn Điền. Việc đối chiếu này sẽ tiếp tục làm rõ hơn đặc thù và giới hạn trong tư duy cải cách của Phan Thanh Giản, qua đó góp phần phác họa bức tranh toàn cảnh về phản ứng của giới tinh hoa Đại Nam trước những thách thức mang tính thời đại.

Tài liệu tham khảo

- Lê, H. L. V. (2023). Đạo làm quan của Phan Thanh Giản. *Trí thức nông dân*. <https://nongnghiepmoitruong.vn/tri-thuc-nong-dan/dao-lam-quan-cua-phan-thanh-gian-d341394.html>
- Nam, X. T. (2015). *Phan Thanh Giản (1796-1867)*. NXB Hồng Đức.
- Nguyễn, T. B. (2007). Tư tưởng về “Đạo trị nước” ở các nhà Nho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến*.
- Nhiều tác giả. (2017). *Phan Thanh Giản - Trăm năm nhìn lại*. NXB Thế giới.

- Phan, T. M. L., & Chanfreau, P. P. (2019). *Phan Thanh Giản – Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 – 1867)* (P. T. Dụng, Dịch). NXB Hà Nội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2021). *Quốc triều chánh biên toát yếu* (P. N. Huyền, Dịch). NXB Thê giới.
- Trần, H. L. (1963). Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 55, 18–19.
- Tsuboi, Y. (1999). *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa* (N. Đ. Đầu, Dịch). NXB Trẻ.
- Văn Bá. (2016, ngày 15 tháng 3). Phan Thanh Giản hay cuộc hòa bình dang dở Pháp Việt 15-07-1864. *Nghiên cứu Lịch sử*. Truy cập từ <https://nghiencuulichsu.com/2016/03/15/phan-thanh-gia%CC%89n/>
- Võ, K. C. (2017). *Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1896*. NXB Khoa học xã hội.